

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 39

10/2011  
R  
R  
11/57

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 01/2024/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2024.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12827243/67746102/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trình bày rằng Công ty có khoản nợ vay đã quá hạn như được nêu tại Thuyết minh số 19.4. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>12.264.831.577</b>	<b>12.064.070.073</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.577.489</b>	<b>47.288.173</b>
111	1. Tiền		2.577.489	47.288.173
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12.101.691.299</b>	<b>11.878.847.537</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.892.035.094	1.651.221.870
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.245.414.314	1.629.815.005
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.120.172.502	5.912.039.028
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.915.463.365	2.755.025.588
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(71.393.976)	(69.253.954)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>51.564.291</b>	<b>37.700.270</b>
141	1. Hàng tồn kho		63.433.209	50.182.824
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.868.918)	(12.482.554)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>108.998.498</b>	<b>100.234.093</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	11	108.712.667	99.948.262
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	285.831	285.831
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.087.071.773</b>	<b>9.135.851.600</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.842.979.605</b>	<b>4.050.979.875</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	3.172.296.808	2.382.041.632
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.670.682.797	1.668.938.243
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.246.151</b>	<b>3.952.953</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	380.734	713.786
222	Nguyên giá		8.977.967	8.977.967
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.597.233)	(8.264.181)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	2.865.417	3.239.167
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.114.583)	(2.740.833)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>5.240.822.439</b>	<b>5.080.780.439</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.954.817.803	4.794.775.803
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(2.594.610)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>23.578</b>	<b>138.333</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		23.578	138.333
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>22.351.903.350</b>	<b>21.199.921.673</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.914.055.449</b>	<b>8.977.561.621</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>9.709.509.617</b>	<b>6.869.416.459</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	300.003.080	56.801.397
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	328.490.446	846.778.738
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	120.428	174.408
314	4. Phải trả người lao động		1.029.596	1.159.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	852.074.465	616.336.122
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	336.299.476	261.041.568
320	7. Vay ngắn hạn	19	7.891.492.126	5.087.125.026
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>204.545.832</b>	<b>2.108.145.162</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	33.939.083	33.939.083
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	52.502.144	51.183.874
338	3. Vay dài hạn	19	118.104.605	2.023.022.205
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>12.437.847.901</b>	<b>12.222.360.052</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>12.437.847.901</b>	<b>12.222.360.052</b>
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lợi nhuận (lỗ) lũy kế		182.181.951	(33.305.898)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(33.305.898)	(128.982.958)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		215.487.849	95.677.060
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>22.351.903.350</b>	<b>21.199.921.673</b>

  
Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập

  
Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

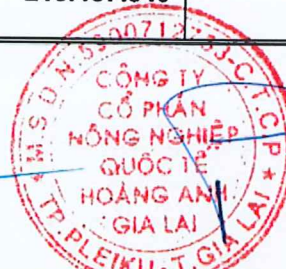
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	216.663.043	209.483.672
11	2. Giá vốn hàng bán	22, 25	(213.369.187)	(204.769.200)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		3.293.856	4.714.472
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	501.361.755	254.399.047
22	5. Chi phí tài chính	23	(280.058.228)	(256.846.737)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(266.836.457)	(252.081.579)
25	6. Chi phí bán hàng	24, 25	(2.088.732)	(2.312.680)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	(6.905.752)	(4.284.399)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		215.602.899	(4.330.297)
31	9. Thu nhập khác		781.232	168.963
32	10. Chi phí khác		(896.282)	(449.612)
40	11. Lỗ khác		(115.050)	(280.649)
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		215.487.849	(4.610.946)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		215.487.849	(4.610.946)



Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>215.487.849</b>	<b>(4.610.946)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	706.802	743.112
03	Dự phòng (hoàn nhập) các khoản dự phòng		1.526.387	(173.752.938)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(210.284.930)	(1.142.109)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(264.236.572)	(249.841.038)
06	Chi phí lãi vay	23	266.836.457	252.081.579
<b>08</b>	<b>Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>10.035.993</b>	<b>(176.522.340)</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		378.975.159	(129.291.385)
10	Tăng hàng tồn kho		(13.250.385)	(99.089.141)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(211.875.102)	519.423.916
12	Giảm chi phí trả trước		114.755	555.295
14	Tiền lãi vay đã trả		(29.644.931)	(60.064.543)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(129.600)	(64.800)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>134.225.889</b>	<b>54.947.002</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay		(918.362.988)	(374.730.465)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(160.042.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		16.027	18.911
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.078.388.961)</b>	<b>(374.711.554)</b>

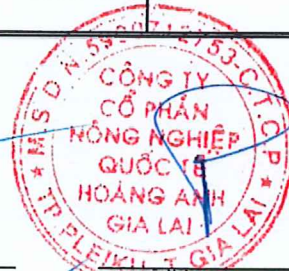
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.476.850.000	917.440.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(577.400.500)	(597.585.763)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>899.449.500</b>	<b>319.854.237</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>(44.713.572)</b>	<b>89.685</b>
60	Tiền đầu kỳ		<b>47.288.173</b>	<b>819.991</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.888	37
70	Tiền cuối kỳ	4	<b>2.577.489</b>	<b>909.713</b>

Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các loại vật tư nông nghiệp. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 20 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 22 người).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, và một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>			
(1) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“HA Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“HA Rattanakiri”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“HA Oyadav”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào (“Nam Lào”) (*)	Attapeu, Lào	Trước hoạt động	100,00
<b>Công ty liên kết</b>			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”)	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14

(\*) Nam Lào được thành lập ngày 5 tháng 1 năm 2024 theo GCNĐKKD số 0005/ĐKDN cấp bởi Cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Sở Công nghiệp và Thương mại tỉnh Attapeu, Lào và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 002-2024/KHĐT.ĐT4 cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, để thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.6 Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có một khoản vay bị quá hạn như được trình bày tại Thuyết minh 19.4. Điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đồng thời các giải pháp để giải quyết vấn đề nêu trên. Cụ thể, Công ty đang tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện tái cơ cấu một số khoản nợ và đang đàm phán với bên cho vay để điều chỉnh điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Trước đó, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco"), rằng Thaco cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("Thaco Agri"), theo đó, Thaco Agri hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty trong năm 2024. Trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc vẫn lập báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. cụ và hàng hóa

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.15 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	9.948	40.118
Tiền gửi ngân hàng	2.567.541	47.248.055
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.577.489</b>	<b>47.288.173</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 27)	1.822.445.328	1.583.018.982
Phải thu từ các bên khác	69.589.766	68.202.888
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	21.981.764	20.986.827
- Khách hàng khác	23.066.349	22.674.408
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.892.035.094</b>	<b>1.651.221.870</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(67.598.168)	(65.490.646)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.824.436.926</b>	<b>1.585.731.224</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	1.241.497.006	1.621.544.078
Trả trước cho các bên khác	3.917.308	8.270.927
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Châu Hồng Phúc	2.075.410	2.075.410
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	1.622.899	1.622.899
- Khác	218.999	4.572.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.245.414.314</b>	<b>1.629.815.005</b>
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(3.763.308)	(3.763.308)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.241.651.006</b>	<b>1.626.051.697</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.120.172.502</b>	<b>5.912.039.028</b>
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	6.120.172.502	5.912.039.028
<b>Dài hạn</b>	<b>3.172.296.808</b>	<b>2.382.041.632</b>
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	1.769.145.051	1.714.113.454
Cho vay Chính phủ Lào (*)	1.403.151.757	667.928.178
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.292.469.310</b>	<b>8.294.080.660</b>

(\*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhong tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các khoản cho vay này sẽ được miễn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ phải trả khác mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.915.463.365</b>	<b>2.755.025.588</b>
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	1.942.954.736	1.906.456.037
Phải thu lãi cho vay	785.123.806	671.605.138
Chi hộ	184.139.655	176.267.106
Khác	3.245.168	697.307
<b>Dài hạn</b>	<b>1.670.682.797</b>	<b>1.668.938.243</b>
Phải thu lãi cho vay	1.670.682.797	1.637.747.061
Khác	-	31.191.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.586.146.162</b>	<b>4.423.963.831</b>
Dự phòng phải thu khác khó đòi (TM số 9)	(32.500)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>4.586.113.662</b>	<b>4.423.963.831</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 27)</i>	2.912.218.197	2.754.328.281
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 27)</i>	1.670.682.797	1.668.938.243
<i>Phải thu khác các bên thứ ba</i>	3.212.668	697.307

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng (TM số 5)	67.598.168	65.490.646
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (TM số 6)	3.763.308	3.763.308
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)	32.500	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.393.976</b>	<b>69.253.954</b>

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	69.253.954	252.240.626
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.346.065	130.639
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(206.043)	(173.688.396)
Số cuối kỳ	<b>71.393.976</b>	<b>78.682.869</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Hàng hóa	63.433.209	50.149.344
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	33.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.433.209</b>	<b>50.182.824</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.868.918)	(12.482.554)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>51.564.291</b>	<b>37.700.270</b>

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	12.482.554	12.677.734
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(613.636)	(195.180)
Số cuối kỳ	11.868.918	12.482.554

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	99.948.262	15.321.400	(6.556.995)	108.712.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	-	3.000	(3.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.234.093</b>	<b>15.324.400</b>	<b>(6.559.995)</b>	<b>108.998.498</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	174.408	194.745	(248.725)	120.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Ngàn VND			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	310.655	4.311.791	322.183	4.944.629
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(310.655)	(5.398.745)	(2.554.781)	(8.264.181)
Khấu hao trong kỳ	-	(71.015)	(262.037)	(333.052)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	(310.655)	(5.469.760)	(2.816.818)	(8.597.233)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	302.394	411.392	713.786
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	231.379	149.355	380.734

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Ngàn VND	
	<i>Phần mềm vi tính</i>	
<b>Nguyên giá</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024		5.980.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023		(2.740.833)
Hao mòn trong kỳ		(373.750)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024		(3.114.583)
<b>Giá trị còn lại</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023		3.239.167
Ngày 30 tháng 6 năm 2024		2.865.417

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 14.1)	4.954.817.803	4.794.775.803
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.3)	2.594.610	2.594.610
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.243.417.049</b>	<b>5.083.375.049</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.594.610)	(2.594.610)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>5.240.822.439</b>	<b>5.080.780.439</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng và kết thúc cùng ngày

## 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	100,00	2.101.029.560
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	100,00	1.081.159.132
HA Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	943.987.719	100,00	943.987.719
HA Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	828.641.392	100,00	668.599.392
Nam Lào (TM số 28)	Trồng cây công, nông nghiệp và chăn nuôi	100,00	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.954.817.803</b>		<b>4.794.775.803</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

**14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	280.666.412	40.309.084
Phải trả cho các bên thứ ba	19.336.668	16.492.313
- Công ty Cổ Phần Cánh Đồng Vàng Lạng Sơn	3.963.450	3.963.450
- Khác	<u>15.373.218</u>	<u>12.528.863</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>300.003.080</u></b>	<b><u>56.801.397</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Nhận ứng trước từ bên liên quan (TM số 27)	328.490.446	846.686.346
Nhận ứng trước từ bên khác	-	92.392
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>328.490.446</u></b>	<b><u>846.778.738</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>852.074.465</b>	<b>616.336.122</b>
Chi phí lãi vay	825.299.438	587.979.344
Chi phí hoạt động	26.573.427	26.573.427
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	201.600	1.783.351
<b>Dài hạn</b>	<b>33.939.083</b>	<b>33.939.083</b>
Chi phí lãi vay	33.939.083	33.939.083
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>886.013.548</b>	<b>650.275.205</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>808.552.347</i>	<i>570.909.491</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>77.461.201</i>	<i>79.365.714</i>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>336.299.476</b>	<b>261.041.568</b>
Phải trả các bên liên quan	316.203.137	242.844.188
Phải trả khác	20.096.339	18.197.380
<b>Dài hạn</b>	<b>52.502.144</b>	<b>51.183.874</b>
Phải trả các bên liên quan	31.590.123	30.271.853
Phải trả khác	20.912.021	20.912.021
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>388.801.620</b>	<b>312.225.442</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>316.203.136</i>	<i>242.844.188</i>
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>31.590.123</i>	<i>30.271.853</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>41.008.361</i>	<i>39.109.401</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.891.492.126</b>	<b>5.087.125.026</b>
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 19.1 và TM số 27)	272.740.518	272.740.518
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 19.2)	499.999.500	500.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 19.3)	52.490.000	52.490.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 19.4 và TM số 27)	7.066.262.108	4.261.894.508
<b>Dài hạn</b>	<b>118.104.605</b>	<b>2.023.022.205</b>
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 19.3)	118.104.605	118.104.605
Vay dài hạn các bên liên quan (TM số 19.4 và TM số 27)	-	1.904.917.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.009.596.731</b>	<b>7.110.147.231</b>

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.087.125.026	2.023.022.205	7.110.147.231
Tiền thu từ đi vay	442.000.000	1.034.850.000	1.476.850.000
Tiền trả nợ gốc vay	(447.400.500)	(130.000.000)	(577.400.500)
Vay dài hạn đến hạn trả	2.809.767.600	(2.809.767.600)	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	7.891.492.126	118.104.605	8.009.596.731

**19.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)**

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
	Ngàn VND		
Thaco Agri	272.740.518	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 đến ngày 13 tháng 5 năm 2025	6,50

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 19. VAY (tiếp theo)

### 19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	Ngàn VND		%/năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	499.999.500	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 3 năm 2025 (6 tháng 2024; 7,30 - 9%)	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su	- Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, có diện tích 925 ha tại Campuchia; - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với 453,7 ha đất trồng trái cây; và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT; và - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xây, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 19. VAY (tiếp theo)

### 19.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn (*)	<u>170.594.605</u> Ngàn VND	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2024 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (6 tháng 2024: 10,05 - 11,05%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia	23,2 triệu cổ phiếu HAG do Ông Đoàn Nguyên Đức - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty sở hữu và 14,5 triệu cổ phiếu Công ty TNHH Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam do Thaco Agri sở hữu
Trong đó:					
Vay dài hạn	118.104.605				
Vay dài hạn đến hạn trả	52.490.000				

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã thanh toán hết khoản vay trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.4 Vay dài hạn bên liên quan

Công ty vay tín chấp dài hạn từ các bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	6.081.564.070	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	8,00
HAG (*)	984.698.038	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	0,00
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.066.262.108</u></b>		
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	7.066.262.108		

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 100.000.000 ngàn VND. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã thanh toán khoản vay quá hạn này.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(4.610.946)	(4.610.946)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(133.449.904)</u>	<u>12.122.216.046</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	(33.305.898)	12.222.360.052
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	215.487.849	215.487.849
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>182.181.951</u>	<u>12.437.847.901</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		Ngàn VND
Doanh thu bán hàng hóa	176.622.243	169.458.203
Doanh thu bán mũ cao su	40.040.800	40.025.469
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>216.663.043</b>	<b>209.483.672</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	216.663.043	209.308.752
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	-	174.920

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		Ngàn VND
Lãi từ cho bên liên quan vay	264.220.545	249.822.127
Lãi chênh lệch tỷ giá	237.125.183	4.558.009
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.027	18.911
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>501.361.755</b>	<b>254.399.047</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan</i>	264.220.545	249.822.127
<i>Bên khác</i>	237.141.210	4.576.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		<i>Ngàn VND</i>
Giá vốn hàng hóa	174.093.508	167.704.752
Giá vốn mủ cao su đã bán	39.275.679	37.064.448
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>213.369.187</u></b>	<b><u>204.769.200</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		<i>Ngàn VND</i>
Chi phí lãi vay	266.836.457	252.081.579
Lỗi chênh lệch tỷ giá	10.381.230	3.633.288
Khác	2.840.541	1.131.870
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>280.058.228</u></b>	<b><u>256.846.737</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		<i>Ngàn VND</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>2.088.732</b>	<b>2.312.680</b>
Chi phí vận chuyển	1.572.100	1.604.622
Chi phí nhân viên	511.832	563.590
Khác	4.800	144.468
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6.905.752</b>	<b>4.284.399</b>
Chi phí nhân viên	2.060.962	2.072.046
Dự phòng phải thu khó đòi	2.346.065	130.639
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	795.045	870.501
Khác	1.703.680	1.211.213
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.994.484</u></b>	<b><u>6.597.079</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	212.662.172	204.026.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.009.559	2.570.950
Chi phí nhân công	2.572.794	2.635.636
Dự phòng phải thu khó đòi	2.346.065	130.639
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 12 và 13)	706.802	743.110
Khác	1.066.067	1.259.854
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>222.363.459</b>	<b>211.366.279</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập tính thuế (lỗ tính thuế):

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>215.487.849</b>	<b>(4.610.946)</b>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.377.719	864.883
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(222.142.267)	428.851
<b>Lỗ tính thuế ước tính</b>	<b>(5.276.699)</b>	<b>(3.317.212)</b>
Lỗ thuế chuyển sang các kỳ sau	5.276.699	3.317.212
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
<b>Thuế TNDN trả trước cuối kỳ</b>	<b>(285.831)</b>	<b>(285.831)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) của Công ty khác với lợi nhuận (lỗ) được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**26.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.001.131.443 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 995.854.744 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Ngàn VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
2019	2024 (*)	1.193.172.081	(197.317.337)	-	995.854.744
2024	2029 (**)	5.276.699	-	-	5.276.699
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.198.448.780</b>	<b>(197.317.337)</b>	<b>-</b>	<b>1.001.131.443</b>

(\*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(\*\*) Lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được quyết toán bởi cơ quan thuế địa phương.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco")	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Cổ đông lớn
HA Attapeu	Công ty con
HA Oyadav	Công ty con
HAQM Lào	Công ty con
HA Rattanakiri	Công ty con
CRD	Công ty con
Heng Brothers	Công ty con
HA Quang Minh	Công ty con
Nam Lào	Công ty con
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai ("Cơ khí Chu Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty TNHH Phân Phối Thaco Auto ("Thaco Phân phối")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Chuyên Dụng THACO ("THACO Chuyên dụng")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Bidiphar	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thaco Agri	Vay	1.035.850.000	600.700.000
	Cần trừ công nợ	395.947.547	55.514.084
	Lãi vay	237.357.855	182.558.014
	Mua hàng hóa và dịch vụ	164.629.444	246.175.557
	Trả gốc vay	135.400.000	46.700.000
	Bán hàng hóa	40.241.073	40.809.807
	Mượn tiền	-	12.000.000
	Trả tiền mượn	-	4.000.000
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	394.332.017	192.545.530
	Góp vốn	160.042.000	-
	Lãi cho vay	31.928.683	33.138.427
	Chi hộ	-	284.980
HA Attapeu	Cho vay	226.500.000	99.642.966
	Lãi cho vay	189.143.601	173.812.190
	Cần trừ công nợ	186.525.155	87.032
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	176.603.399	168.620.094
	Mua hàng hóa	19.725.180	25.292.090
	Chi hộ	-	20.780.583
HAQM Lào	Cần trừ công nợ	186.802.743	-
	Mua hàng hóa	19.550.500	11.772.359
	Lãi cho vay	18.726.163	18.583.601
HA Rattanakiri	Lãi cho vay	24.422.096	24.287.909
	Cần trừ công nợ	-	205.195.120
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	10.044.778	6.878
CRD	Cần trừ công nợ	7.445.106	68.208.415
THACO Phân phối	Mua hàng hóa	6.191.481	4.202.778
Nam Lào	Chi hộ	4.384.229	-
Thilogi	Mua dịch vụ	1.699.595	1.775.727
THACO Chuyên dụng	Mua hàng hóa	-	1.041.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</b>			
HA Attapeu	Bán hàng hóa	1.721.063.944	1.486.158.661
HAQM Lào	Bán hàng hóa	48.382.966	46.193.058
HA Oyadav	Bán hàng hóa	38.333.721	36.598.662
CRD	Bán hàng hóa	14.662.598	13.998.941
Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	2.099	69.660
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.822.445.328</u></b>	<b><u>1.583.018.982</u></b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</b>			
HA Attapeu	Mua hàng hóa	745.492.406	764.824.376
HAQM Lào	Mua hàng hóa	496.004.600	658.304.204
Thaco Agri	Mua hàng hóa	-	198.415.498
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.241.497.006</u></b>	<b><u>1.621.544.078</u></b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (*) (TM số 7)</b>			
HA Attapeu	Cho vay	4.103.400.114	3.895.266.640
HA Rattanakiri	Cho vay	805.908.354	805.908.354
HAQM Lào	Cho vay	619.432.694	619.432.694
HA Oyadav	Cho vay	591.431.340	591.431.340
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>6.120.172.502</u></b>	<b><u>5.912.039.028</u></b>
(*) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ ngày 1 tháng 8 năm 2024 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025, và với lãi suất trung bình từ 6,00%/năm đến 8,00%/năm.			
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (**) (TM số 7)</b>			
HA Attapeu	Cho vay	1.505.690.446	1.450.658.849
HA Oyadav	Cho vay	262.454.605	262.454.605
HAQM Lào	Cho vay	1.000.000	1.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.769.145.051</u></b>	<b><u>1.714.113.454</u></b>
(**) Cho vay dài hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp dài hạn với thời hạn hoàn trả từ ngày 5 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 6,00%/năm đến 10,05%/năm.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)</b>			
HA Attapeu	Cần trừ công nợ	1.781.525.388	1.544.502.764
	Lãi cho vay	649.434.525	518.905.443
	Chi hộ	178.644.427	175.328.116
HAQM Lào	Lãi cho vay	135.689.280	117.003.008
	Cần trừ công nợ	2.555.625	5.993.044
	Chi hộ	1.110.999	938.990
CRD	Cần trừ công nợ	86.925.977	75.757.851
Thaco Agri	Cần trừ công nợ	71.815.956	71.724.705
Nam Lào	Chi hộ	4.384.229	-
HA Rattanakiri	Chi hộ	71.466	72.310
HA Oyadav	Chi hộ	60.325	66.664
	Cần trừ công nợ	-	208.338.700
	Lãi cho vay	-	35.696.686
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.912.218.197</b>	<b>2.754.328.281</b>
<b>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</b>			
HA Attapeu	Lãi cho vay	1.598.416.610	1.529.997.028
HAQM Lào	Lãi cho vay	72.266.187	72.226.296
	Cần trừ công nợ	-	31.191.182
HA Oyadav	Lãi cho vay	-	35.523.737
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.670.682.797</b>	<b>1.668.938.243</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)</b>			
Thaco Agri	Mua hàng hóa	240.160.675	-
THACO Phân Phối	Mua hàng hóa	37.024.200	30.337.400
CRD	Mua hàng hóa	2.660.283	2.549.268
Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	821.254	7.422.416
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>280.666.412</b>	<b>40.309.084</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)</b>			
Thaco Agri	Ứng tiền mua hàng hóa	328.490.446	846.686.346
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 17)</b>			
Thaco Agri	Lãi vay	808.396.347	570.909.491
Thilogi	Chi phí dịch vụ	156.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>808.552.347</b>	<b>570.909.491</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 18)</b>			
HA Rattanakiri	Cán trừ công nợ	209.882.115	226.742.175
HA Oyadav	Cán trừ công nợ	78.787.259	-
Thaco Agri	Mượn tiền	9.574.537	8.453.813
HA Attapeu	Thu hộ	7.648.200	7.648.200
Heng Brothers	Cán trừ công nợ	10.311.025	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>316.203.136</b>	<b>242.844.188</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (TM số 18)</b>			
Heng Brothers	Cán trừ công nợ	31.590.123	30.271.853
<b>Vay ngắn hạn (TM số 19.1 và TM số 19.4)</b>			
Thaco Agri	Vay	6.354.304.588	3.549.936.988
HAG (*)	Vay	984.698.038	984.698.038
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.339.002.626</b>	<b>4.534.635.026</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 100.000.000 ngàn VND. Tuy nhiên, vào ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã thanh toán khoản vay quá hạn trên.

**Vay dài hạn (TM số 19.4)**

Thaco Agri	Vay	-	1.904.917.600
------------	-----	---	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	144.000	64.800
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên từ ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>144.000</b>	<b>64.800</b>

**28. CAM KẾT QUAN TRỌNG**

**Cam kết bảo lãnh**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang dùng các quyền thuê đất của các công ty con để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG, cổ đông lớn của Công ty, tại BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.852,74 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

**Cam kết góp vốn**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 400.000.000 USD liên quan đến việc đầu tư góp vốn vào Nam Lào, nhằm thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2024, SGDCKHCM đã ban hành Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM về việc hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang làm việc với SGDCKHCM để thực hiện quyết định này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

